**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT**

*LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ*

**Thời gian: 2 tiết**

1. **MỤC TIÊU DẠY HỌC**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Năng lực**
   1. **Năng lực đặc thù**

* Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
  1. **Năng lực chung**
* Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
* Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.
* Năng lực sáng tạo: Hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.

1. **Phẩm chất:** Yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, yêu quê hương.
2. **KIẾN THỨC CẦN DẠY TRONG BÀI HỌC**

* Đặc điểm của một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
* Cách làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng để chiếu tranh ảnh.
* SGK, SGV
* PHT tìm ý tưởng cho bài thơ.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**
2. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**
3. **Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**
4. **Mục tiêu**: Xác định được nhiệm vụ viết.
5. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.
6. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK/tr.22, tên đề mục phần kĩ năng Viết và xác định nhiệm vụ học tập.  - GV đặt câu hỏi: Dựa vào yêu cầu cần đạt và tên đề mục phần kĩ năng Viết, các em hãy cho biết: trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân: Đọc thông tin trong SGK và tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập: Trong bài học này, HS sẽ làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. | **\*HS xác định được nhịêm vụ học tập**  - Biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. |

1. **Hoạt động giới thiệu tình huống khi thực hiện bài viết**
2. **Mục tiêu:** HS trình bày được tình huống cụ thể cần làm một bài thơ.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về tình huống cụ thể cần làm một bài thơ.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi:Theo em, người ta thường làm thơ, viết văn, sáng tác nhạc trong hoàn cảnh nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và hướng dẫn HS tổng hợp vấn đề theo một số định hướng tham khảo sau: Một số tình huống có thể làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ: có cảm hứng trước một vấn đề, cảm xúc dâng trào muốn thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, thú vị, … về cuộc sống; thể hiện cảm xúc về một sự vật/ hiện tượng trong cuộc sống; tham gia một cuộcthi thơ; tặng thơ để bày tỏ tình cảm với người thân, bạn bè, …  - GV dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học mới. | \* HS xác định được một số tình huống có thể làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ:  - thể hiện cảm xúc về cuộc sống;  - tham gia cuộc thi thơ;  - bày tỏ tình cảm, cảm xúc với người thân, bạn bè, … |

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**
2. **Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**
   1. **Hoạt động khởi động**
3. **Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền về đặc điểm của một bài thơ bốn chữ học năm chữ đã học trong chương trình lớp 7.
4. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trình bày hiểu biết nền về một bài thơ bốn chữ học năm chữ.
5. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật động não, HS nhắc lại đặc điểm của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ bằng cách trả lời nhanh câu hỏi sau: Em biết gì về thể thơ bốn chữ học năm chữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày trước lớp; các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhận xét ý kiến của HS, nhắc lại một số đặc điểm về thể thơ và giới thiệu hoạt động viết. | **\* Kích hoạt kiến thức nền**  - HS nhắc lại những nhắc lại đặc điểm của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ.  + số tiếng  + số dòng  + Cách gieo vần |

* 1. **Hoạt động tìm hiểu tri thức về cách làm thơ nói chung và thơ bốn chữ, năm chữ nói riêng.**

1. **Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm của một bài thơ hay nói chung bà đặc điểm của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm của một bài thơ hay nói chung và đặc điểm của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khung thông tin trong SGK/ tr.22, thảo luận và trả lời những câu hỏi sau:  + Theo em, thế nào là một bài thơ hay?  + Muốn làm một bài thơ thì cần làm gì?  + Một bài thơ bốn chữ, năm chữ cần đảm bảo những yêu cầu gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm HS trình bày trước lớp ý kiến của mình; các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV câu trả lời của HS và kết luận về đặc điểm của một bài thơ hay hay nói chung và đặc điểm của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ. | **\* Một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ:**  - Thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận … của người viết về cuộc sống.  - Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.  - Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.  - Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lý để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.  - Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.  - Đảm bảo đủ số chữ ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại. |

1. **Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**
2. **Mục tiêu:** Nhận biết các yêu cầu về việc làm một bài thơ thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu trong SGK/tr.23.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm thơ bốn chữ, năm chữ thể hiện qua VB “Nắng hồng” (Bảo Ngọc). Nội dung bài học rút ra về đặc điểm thơ và câu hỏi cần giải đáp.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GVtrình bày bài thơ “Nắng hồng” lên bảng chiếu, rồi đưa ra hệ thống câu hỏi, tổ chức lớp thảo luận nhóm để trả lời những câu hỏi sau:   1. *Bài thơ được viết theo thể thơ nào?* 2. *Để miêu tả được bức tranh sống động của mùa đông, tác giả đã dùng những hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật nào?* 3. *Vì sao khi sáng tác thơ, văn, cần sử dụng biện pháp nhân hóa, so sánh để miêu tả sự vật, hiện tượng?* 4. *Làm thơ không phải là chỉ miêu tả sự vật, hiện tượng mà còn phải thể hiện cảm xúc mới lạ, thú vị về cuộc sống. Hai khổ thơ cuối có đáp ứng được yêu cầu trên không? Hãy lí giải.* 5. *Trong bài thơ này, tác giả đã sử dụng những loại vần nào?* 6. *Từ cách viết của tác giả trong bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ?*   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc VB mẫu, theo dõi các thông tin trong khung hướng dẫn, thảo luận nhóm và tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS đại diện nhóm,trình bày trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu có).  - HS nêu câu hỏi thắc mắc (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng tham khảo. | \* **Hướng dẫn phân tích văn bản mẫu**  **1. Về đặc điểm thể loại**   * Về số tiếng: Mỗi câu thơ có 5 tiếng => thơ 5 chữ. * Bài thơ có 6 khổ thơ, mỗi khổ thơ gồm 4 dòng. * Nhịp thơ: 3/2; 2/3. * Vần chân: đâu – nâu   nhà – hoa  lửa – đưa  rồi – trôi  => Sử dụng vần nhịp một cách hợp lý làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.  **2. Về nghệ thuật**   * Hình ảnh: tấm áo nâu, áo trời, mưa phùn, khói, màn sương, dáng mẹ, đốm nắng, giọt nắng hồng, …   => hình ảnh gợi cảm, sinh động, thể hiện sự liên tưởng bất ngờ thú vị.   * Biện pháp nghệ thuật: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ   => thể hiện sự sống động của thiên nhiên.  **3. Về nội dung**   * Bài thơ thể hiện cảm xúc của tác giả trước bức tranh thiên nhiên và cuộc sống khi đất trời vào đông. |

1. **Hoạt động hướng dẫn quy trình viết**
2. **Mục tiêu**:

* Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
* Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

1. **Sản phẩm:** bảng tóm tắt của HS (theo mẫu PHT)
2. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK/tr.24, sau đó thảo luận nhóm và tóm tắt thông tin quy trình làm một bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp và trả lời nhanh ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày trước lớp. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua quan sát. GV chú ý đánh giá mức độ chủ động của HS trong việc đề xuất mục đích hợp tác trước khi bắt đầu thảo luận.  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng như sản phẩm dự kiến. | **\* Quy trình viết gồm bốn bước:**  Bước 1: Trước khi viết    Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ    Bước 3: Làm thơ    Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ. |

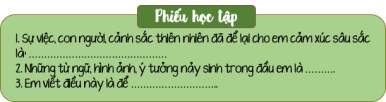
1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ**
2. **Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

1. **Mục tiêu**: Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài thơ sẽ viết.
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về việc xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài thơ sẽ viết.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc đề bài trong SGK/tr.24. Sau đó yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài thơ của mình qua các câu hỏi:  + Bài thơ này được viết nhằm mục đích gì?  + Người đọc bài thơ của em có thể là ai?  + Em định viết về đề tài gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày trước lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá. | **\* Bước 1: Chuẩn bị viết**  **+ Đối tượng:** người đọc là những người quan tâm đến thơ ca. Đặc biệt là những bài thơ đề cập đến vẻ đẹp thiên nhiên.  **+ Mục đích:** chia sẻ cảm xúc của mình về một sự vật, hiện tượng, cảnh đẹp thiên nhiên hoặc cuộc sống với người đọc.  **+ Đề tài:** là một bài thơ 4 chữ hoặc 5 chữ thể hiện cảm xúc của em về một sự vật, hiện tượng của thiên nhiên hoặc cuộc sống. |

1. **Hoạt động tìm ý tưởng cho bài thơ và làm thơ (có thể thực hện tại nhà)**
2. **Mục tiêu:** Biết cách tìm ý tưởng và làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. Hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho
3. **Sản phẩm:** Nội dung đã hoàn thành của PHT do HS viết.



1. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) Từ đề tài đã xác định, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài thơ bằng cách điền vào PHT sau:    (2) Sau khi HS đã hoàn thành xong PHT, GV thể hiện các ý tưởng lần lượt thành các dòng thơ theo chỉ dẫn của bước 3 trong SGK. GV yêu câu HS viết tối thiểu 1 khổ thơ gồm 4 dòng (bôn chữ hoặc năm chữ).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Với nhiệm vụ (1): HS thực hiện tại lớp.  - Với nhiệm vụ (2): HS thực hiện tại nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chuẩn bị trình bày bài thơ theo hình thức cặp đôi/ nhóm 4-6 HS hoặc trước tập thể lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định.  \* Lưu ý: GV chưa nên đánh giá, nhận xét công khai trước lớp về sản phẩm bài viết của HS. Việc này nên được thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau và chỉnh sửa bài viết của mình. | \* Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý  - Sản phẩm là sơ đồ tìm ý, dàn ý của HS. |

1. **Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**
   1. **Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**
2. **Mục tiêu:** Biết cách chỉnh sửa bài viết của bản thân và các bạn; Nhận xét được bài thơ của HS khác.
3. **Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) GV yêu cầu HS dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.24,25 để tự kiểm tra, đánh giá lại bài thơ của mình.  (2) Sau khi hoàn thành việc tự chỉnh sửa, GV có thể mời một số HS đọc bài thơ của mình trước lớp và mời các HS khác nhận xét.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ (1) và (2).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đối với nhiệm vụ (2), một số HS đọc bài thơ của mình trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ, nhận xét về bài thơ của bạn (dựa trên bảng kiểm).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá và nhận xét trên ba phương diện:  (1) Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài thơ của HS.  (2) Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (*HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu khuyết điểm trong bài thơ của mình và các bạn hay không?)* Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. | **\* Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS. |

* 1. **Hoạt động rút kinh nghiệm**

1. **Mục tiêu**: Rút ra được kinh nghiệm khi làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
2. **Sản phẩm:** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút để HS chia sẻ nhanh (những) kinh nghiệm của bản thân sau khi làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ và chuẩn bị những kinh nghiệm của bản thân để chia sẻ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý. | **\* Sản phẩm:** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. |

1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (Thực hiện tại nhà)**
2. **Mục tiêu**: Vận dụng được quy trình làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ vào việc làm thơ. Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
3. **Sản phẩm**: Bài thơ đã được công bố của HS.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Từ bài thơ đã hoàn thành trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau và hoàn thành:  (1) Sửa bài thơ cho hoàn chỉnh và công bố.  (2) Chọn một đề tài khác để viết bài thơ mới và công bố.  Sau khi công bố bài thơ, HS tham gia bình chọn bài thơ hay nhất của lớp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS về nhà thực hiện một trong hai nhiệm vụ trên và công bố bài thơ. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web hoặc bảng tin học tập của lớp, …  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Trước tiên, HS công bố một trong hai sản phẩm được giao trên trang Web hoặc bảng tin của lớp.  - HS tham gia bình chọn bài thơ hay nhất của lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.  - GV công bố kết quả bình chọn bài thơ hay nhất của lớp. | **\* Sản phẩm**: Bài thơ đã được công bố của HS. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, … |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT**

*VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC*

*VỀ MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ*

**Thời gian: 2 tiết**

1. **MỤC TIÊU DẠY HỌC**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Năng lực**
   1. **Năng lực đặc thù**

* Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
  1. **Năng lực chung**
* Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
* Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

1. **Phẩm chất:** Cảm nhận và yêu vẻ đẹp của thiên nhiên thông qua việc ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ có đề tài về thiên nhiên.
2. **KIẾN THỨC CẦN DẠY TRONG BÀI HỌC**

* Cách viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu; tìm ý và lâp dàn ý; viết bài; xem và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
* Cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng để chiếu tranh ảnh, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.
* Bảng phụ, giá treo tranh (nếu có), giấy A4, A1, A0, bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm; viết long, keo dán giấy, nam châm.
* SGK, SGV
* PHT
* Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm; rubrics đánh giá bài trình bày VB của nhóm HS trên bảng tin học tập của lớp.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**
2. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**
3. **Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**
4. **Mục tiêu**: Xác định được nhiệm vụ viết.
5. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.
6. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khung “Yêu cầu cần đạt” trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và xác định nhiệm vụ học tập.  - GV đặt câu hỏi: Dựa vào yêu cầu cần đạt và tên đề mục phần kĩ năng Viết, các em hãy cho biết: trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân: Đọc thông tin trong SGK và tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập: Trong bài học này, HS cần viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ. | **\*HS xác định được nhịem vụ học tập**  - Biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  - Viết được một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. |

1. **Hoạt động giới thiệu tình huống khi thực hiện bài viết**
2. **Mục tiêu:** HS nhận biết được tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về tình huống giao tiếp do GV đặt ra.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi: Sau khi đọc xong một bài thơ hay trên sách, báo chí, mạng internet, em muốn chia sẻ với người khác thì em có thể chia sẻ bằng cách nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có). Hoặc tất cả các nhóm cùng đính câu trả lời lên bảng phụ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và hướng dẫn HS tổng hợp vấn đề mà HS cảm thấy khó khăn khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.  - GV dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học mới. | \* HS xác định được tình huống khi cần viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ. |

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**
2. **Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**
   1. **Hoạt động khởi động**
3. **Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền về đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ đã học trong chương trình lớp 6.
4. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trình bày hiểu biết về đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ.
5. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi: Hãy nhắc lại những yêu cầu về đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ trong chương trình lớp 6 mà em còn nhớ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày trước lớp; các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhận xét, bổ sung và giới thiệu nội dung bài học. | **\* Kích hoạt kiến thức nền**  - HS nhắc lại những yêu cầu về đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ trong chương trình lớp 6. |

* 1. **Hoạt động tìm hiểu tri thức về đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.**

1. **Mục tiêu:** Nhận biết được khái niệm, yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về khái niệm, yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khung thông tin trong SGK/ tr.25 và điền vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu đối với kiểu bài** | | | Hình thức |  | | Nội dung |  | | Ngôi kể |  | | Cấu trúc đoạn văn |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm HS trình bày trước lớp ý kiến của ình dựa trên bảng đã cho; các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV hướng dẫn HS chốt ý. | **\* Khái niệm:**  - Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ thuộc kiểu văn biểu cảm, thể hiện cảm xúc của người viết về một bài thơ.  **\* Yêu cầu đối với kiểu bài:**   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu đối với kiểu bài** | | | Hình thức | Đảm bảo hình thức đoạn văn. | | Nội dung | Trình bày cảm xúc của người viết về về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. | | Ngôi kể | Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc. | | Cấu trúc đoạn văn | - Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).  - Thân đoạn: trình bày cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; cảm xúc đó được gợi ra từ những hình ảnh, từ ngữ nào trong bài thơ.  - Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết. | |

1. **Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**
2. **Mục tiêu:** Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích VB mẫu.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thầm VB mẫu (SGK/tr.26), chú ý đến những phần đánh số và khung thông tin tương ứng. Sau đó, GV cho HS thảo luận nhóm đôi với các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu văn bản bên dưới (SGK/tr.26).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Cá nhân HS đọc VB mẫu, theo dõi các thông tin trong khung hướng dẫn, tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu có).  - HS nêu câu hỏi thắc mắc (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng:  Qua phần phân tích VB mẫu, HS cần:  + Nhận biết cấu trúc của đoạn, chức năng của ba phần trong đoạn văn.  + Nhận ra vai trò của các câu trong từng phần và những từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả và các dẫn chứng. | \* **Hướng dẫn phân tích văn bản mẫu**  1. Tác giả dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc về bài thơ.  2. Những cảm xúc mà tác giả thể hiện trong đoạn văn là: *tôi rất thích bài thơ Nắng hồng của Bảo Ngọc vì cách dẫn dắt bất ngờ, thú vị của tác giả ...; cảm nhận được rõ nét cái rét buốt của tiết trời lạnh giá ...; ...giúp tôi cảm nhận rõ hơn về tình mẹ và cả những yêu thương của một đứa trẻ dành cho mẹ.*  3. Nội dung của câu mở đoạn: giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.  4. Phần thân đoạn (từ câu 2 đến câu 6): trình bày cảm xúc của người viết về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  5. Nội dung của câu kết đoạn: Khẳng định cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân. |

1. **Hoạt động hướng dẫn quy trình viết**

**3.1. Hoạt động khởi động**

1. **Mục tiêu**: Kích hoạt kiến thức nền về quy trình viết.
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về quy trình viết.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS kể tên 4 bước trong quy trình viết một đoạn văn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp và trả lời nhanh ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày trước lớp. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Dựa vào câu trả lời của HS, GV dẫn dắt HS ôn lại quy trình viết trong hoạt động tiếp theo. | **\* Quy trình viết gồm bốn bước:**  Bước 1: chuẩn bị trước khi viết  Bước 2: tìm ý và lập dàn ý  Bước 3: viết đoạn  Bước 4: xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm |

**3.2. Hoạt động ôn lại quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ.**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ các bước trong quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ.

1. **Sản phẩm:** Bảng tóm tắt của HS về quy trình viết theo mẫu PHT số 1.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  **QUY TRÌNH VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC**  **SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ** | |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** |
| Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết |  |
|  |
|  |
| Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý |  |
|  |
| Bước 3: Viết đoạn văn |  |
| Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm |  |
|  |

1. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành thông tin trong PHT số 1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp và ghi đáp án vào phiếu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm khác bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua việc quan sát. GV chú ý đánh giá mức độ chủ động của HS trong việc đề xuất mục đích hợp tác trước khi các em bắt đầu thảo luận.  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ. | |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  **QUY TRÌNH VIẾT ĐOẠN VĂN …** | | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | | Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết | - Xác định mục đích | | - Xác định đối tượng người đọc | | - Xác định đề tài | | Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | - Để tìm ý cho đoạn văn, em hãy:  + Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận âm thanh, vần, nhịp điệu của bài thơ và xác định những cảm xúc mà bài thơ đã gợi cho em.  + Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà tác giả bài thơ sử dụng.  + Xác định chủ đề của bài thơ.  + Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ.  + Viết nhanh dưới dạng cụm từ thể hiện những ý tưởng trên. | | - Lập dàn ý theo sơ đồ hướng dẫn sau: | | Bước 3: Viết đoạn văn | - Dựa vào dàn ý, viết đoạn văn hoàn chỉnh.  - Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài. | | Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm | - Xem lại và chỉnh sửa: Dựa vào bảng kiểm SGK/tr.28. | | Rút kinh nghiệm bằng cách trả lời câu hỏi: Nếu được viết lại, em sẽ điều chỉnh như thế nào để bài viết tốt hơn? | |

1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ**
2. **Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**
   1. **Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**
3. **Mục tiêu**: Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài của đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ.
4. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về việc xác định mục đích, đối tượng và đề tài của đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ.
5. **Tổ chức hoạt động**

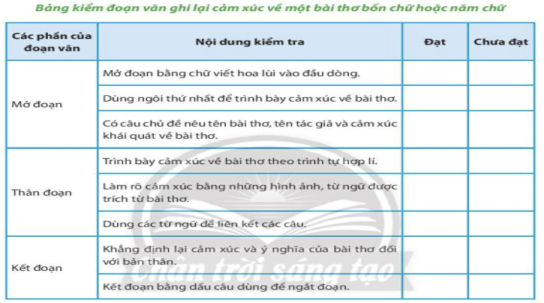
|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc đề bài trong SGK/tr.26. Sau đó yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi:  - Với đề tài này, em sẽ viết đoạn văn cho ai, nhằm mục đích gì?  - Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào?  - Em sẽ chọn viết về đề tài gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày trước lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá. | **\* Bước 1: Chuẩn bị viết**  **+ Đối tượng:** người đọc là những người quan tâm đến thơ ca. Đặc biệt là những bài thơ đề cập đến vẻ đẹp thiên nhiên.  **+ Mục đích:** chia sẻ cảm xúc của mình về bài thơ với người đọc.  **+ Đề tài:** đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ 4 chữ hoặc 5 chữ, đề cập đến tình yêu thiên nhiên. |

* 1. **Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (có thể thực hện tại nhà)**

1. **Mục tiêu:** Biết tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ.
2. **Sản phẩm:** Sơ đồ tìm ý, dàn ý của HS.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ theo gợi ý sau:  (1) Tìm ý và lập dàn ý (thực hiện theo cặp đôi).  + Mở đoạn: tên bài thơ, tên tác giả; cảm xúc chung về bà thơ.  + Thân đoạn: Cảm xúc thư nhất (dẫn chứng), cảm xúc thứ hai (dẫn chứng), …  + Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.  Sau đó, cho HS trao đổi dàn ý trong nhóm đôi để góp ý cho nhau.  (2) HS sẽ viết đoạn văn dựa trên dàn ý (thực hiện cá nhân).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Với nhiệm vụ (1): HS thực hiện tại lớp.  - Với nhiệm vụ (2): HS thực hiện tại nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm. HS khác thảo luận, bổ sung (nếu có).  - Đoạn văn của HS sẽ được đọc trong hoạt động tiếp theo (Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định.  \* Lưu ý: GV chưa nên đánh giá, nhận xét công khai trước lớp về sản phẩm bài viết của HS. Việc này nên được thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau và chỉnh sửa bài viết của mình. | \* Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý  - Sản phẩm là sơ đồ tìm ý, dàn ý của HS. |

1. **Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**
   1. **Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**
2. **Mục tiêu:** Biết cách chỉnh sửa bài viết của bản thân và các bạn.
3. **Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.



1. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trao đổi bài viết cho nhau theo nhóm đôi và dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.28 để đánh giá, nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi bài viết cho nhau và nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.28.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ, nhận xét về bài viết của bạn (dựa trên bảng kiểm).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  (1) Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.  (2) Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu khuyết điểm của mình và các bạn hay không?) Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. | **\* Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS. |

* 1. **Hoạt động rút kinh nghiệm**

1. **Mục tiêu**: Rút ra được kinh nghiệm khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ.
2. **Sản phẩm:** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý. | **\* Sản phẩm:** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ. |

1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (Thực hiện tại nhà)**
2. **Mục tiêu**: Biết vận dụng quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ vào việc tạo lập văn bản.
3. **Sản phẩm**: Bài viết đã được công bố của HS.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Từ bài viết đã hoàn thành trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  (1) Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.  (2) Chọn một đề tài khác để viết bài mới và công bố.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS về nhà thực hiện một trong hai nhiệm vụ trên và công bố bà viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, …  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến các bạn khác trong lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố. | **\* Sản phẩm**: Bài viết đã được công bố của HS. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, … |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:………………

Ngày dạy:……………….

**Bài 1: TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT**

**NÓI VÀ NGHE:**

**TÓM TẮT Ý CHÍNH DO NGƯỜI KHÁC TRÌNH BÀY**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù:

- Tóm tắt được ý chính do người khác trình bày.

2. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Hoạt động 1: Xác định vấn đề

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.  **b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Gv chiếu video :giới thiệu về đọc sách*  *Hs vừa lắng nghe vừa ghi lại những điều bạn vừa trình bày trong clip vào phiếu học tập*    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày cá nhân  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài: | Hs lắng nhe, quan sát và ghi chép. |

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CHUẨN BỊ BÀI NÓI** | |
| **a. Mục tiêu:** Hs biết các bước tóm tắt ý chính do người khác trình bày  **b. Nội dung:**  Gv sử dụng KT khăn trải bàn  HS bầu ra bạn thư kí, hoàn thiện phiếu học | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv chia lớp làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ :  ? Để có thể tập trung chú ý và nắm bắt được ý chính của bài trình bày, khi nghe chúng ta cần thực hiện điều gì ?  ? Để việc ghi chép trong quá trình nghe thuận lợi và hiệu quả, chúng ta cần chú ý điều gì ?  ? Chúng ta có thể gặp những sai sót gì trong quá trình kết hợp lắng nghe và ghi chép ?  ? Khi trao đổi với người nói về những vấn đề chưa rõ nên có thái độ như thế nào ?  ? Có nên trao đổi phần tóm tắt của mình với những người nghe khác không ? Vì sao.  ? Theo em, để đánh giá mức độ đạt/ chưa đạt một bài tóm tắt ý chính hòan chỉnh cần những yếu tố nào ?  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | - Các bước ghi chép lại ý chính do người khác trình bày.   |  |  | | --- | --- | | **Bước 1: Nghe ý chính và ghi tóm tắt** | | | Cách thức tóm tắt | - Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, sử dụng từ khóa, cụm từ  - Sử dụng kí hiệu , gạch đầu dòng để làm nổi bật ý.  - Viết dưới dạng sơ đồ | | Chú ý: | - Phần mở đầu, kết thúc.  - Những phần được lặp lại trong thân bài  - Tốc độ nói  - Từ khóa của bài nói  - Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: sơ đồ, kí hiệu.. |   **Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa**  - Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa  ( nếu cần )  - Xác định với người nói về nội dung vừa tóm tắt. Trao đổi với người nói về ý kiến em chưa rõ hoặc em có quan điểm khác.  - Trao đổi phần ghi tóm tắt với những người nghe khác để chỉnh sửa cho chính xác. |
| **II. THỰC HÀNH TRÌNH BÀY** | |
| **a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.  **b. Nội dung:**  - Từ phiếu học tập số 1 của mỗi cá nhân, các nhóm sẽ thảo luận và thống nhất , chọn lọc những ý chính nhất trong clip đã đưa ra từ đầu giờ | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv có thể cho hsinh coi lại clip ( nếu cần )  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv phát bảng kiểm để hs đánh giá, nhận xét.  **Bảng kiểm**   |  |  | | --- | --- | | Nội dung kiểm tra | Đạt/ chưa đạt | | Có tên bài trình bày |  | | Có tên người trình bày |  | | Có đầy đủ các thông tin chính của bài trình bày |  | | Trình bày thông tin ngắn gọn dưới dạng từ/ cụm từ, kí hiệu |  | | Trình bày rõ ràng, có tính hệ thống (biết dung số thứ tự, kí hiệu abc, gạch đầu dòng…để trình bày các ý chính) |  |   **B4: Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | - Phần trình bày: Tóm tắt ý chính do người khác trình bày. |
| **III. LUYỆN TÂP, VẬN DỤNG** | |
| **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói  **b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **a. Luyện tập:**  GV cho hs trả lời nhanh các câu hỏi:  Câu 1:Mục đích của việc lắng nghe và ghi chép là gì ?  Câu 2: Khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày cần trải qua mấy bước ?  Câu 3: Để việc ghi chép trong quá trình nghe thuận lợi và hiệu quả, chúng ta cần chú ý điều gì ?  Câu 4: Vì sao khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày ta nên dùng từ khóa, các kí hiệu và sơ đồ?  Câu 5: Theo em, để đánh giá mức độ đạt/ chưa đạt một bài tóm tắt ý chính hòan chỉnh cần những yếu tố nào ?  **b. Vận dụng:**  Gv chia lớp làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ chung:  ? Hãy trình bày bài nói trong khoảng thời gian 5phút : “ Việc quan sát, lắng nghe, cảm nhận thế giới tự nhiên có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống của chúng ta ? ”  - HS còn lại lắng nghe và tóm tắt ý chính phần trình bày của bạn.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **B3: Báo cáo kết thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh  - Chốt kiến thức  **- Hướng dẫn học bài ở nhà**  + Vẽ sơ đồ tư duy về các kiến thức đã học  + Đọc và chuẩn bị bài: Ôn tập**.** | - Bài nói của học sinh về câu hỏi : “Việc quan sát, lắng nghe, cảm nhận thế giới tự nhiên có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống của chúng ta ? ”  - Phần trình bày: Tóm tắt ý chính do người khác trình bày. |

***Những vấn đề cần lưu ý sau bài dạy***

**Bài 1: TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT**

**ÔN TẬP**

****

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

***1.1. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Năng lực sáng tạo.

***1.2. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất:**

- Cảm nhận và yêu vẻ đẹp của thiên nhiên.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Sống lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH ÔN TẬP**

**1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi và củng cố bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV tổ chức trò chơi: “***Giải cứu rừng xanh***” cho hai đội; yêu cầu HS nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 1.

***1/ Xác định thể loại của văn bản “Lời của cây”.***

1. Thơ lục bát C. Thơ năm chữ
2. Thơ bốn chữ D. Truyện ngụ ngôn

***2/ Trong bài thơ “Lời của cây”, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào nổi bật?***

1. So sánh C. Điệp từ, điệp ngữ
2. Ẩn dụ D. Nhân hóa

***3/ Ai là tác giả của bài thơ “Sang thu”?***

1. Hữu Thỉnh C. Trần Hữu Thung
2. Hoàng Trung Thông D. Nguyễn Đình Thi

***4/ Bài thơ “Sang thu” tả cảnh thiên nhiên vào thời điểm nào trong năm?***

1. Mùa xuân C. Mùa thu
2. Mùa hè D. Mùa đông

***5/ Xác định phó từ trong ví dụ sau:***

***“Sương chùng chình qua ngõ***

***Hình như thu đã về.”***

1. Sương C. Về
2. Qua D. Đã

***6/ Thông điệp mà nhà thơ Huy Cận muốn gởi gắm qua bài thơ “Con chim chiền chiện” là gì?***

1. Hình ảnh chim chiền chiện bay lượn thể hiện cuộc sống tự do, thanh bình, hạnh phúc, vì thế chúng ta nên biết yêu đời, yêu cuộc sống.
2. Hãy luôn yêu thương, giúp đỡ mọi người.
3. Cần có cách ứng xử nhân văn.
4. Biết yêu quý, trân trọng, bảo vệ thiên nhiên.

***7/ Quy trình để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ gồm có:***

1. Chuẩn bị trước khi viết / Tìm ý, lập dàn ý / Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm / Viết đoạn
2. Viết đoạn / Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm / Chuẩn bị trước khi viết / Tìm ý, lập dàn ý
3. Chuẩn bị trước khi viết / Tìm ý, lập dàn ý / Viết đoạn / Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm
4. Tìm ý, lập dàn ý / Viết đoạn / Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm / Chuẩn bị trước khi viết

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, chia sẻ ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** Đội nào trả lời nhanh và đầy đủ nhất sẽ được điểm thưởng.

**B4: Kết luận, nhận định:** Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Củng cố tri thức về văn bản, thể loại, phó từ.**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được nội dung và nghệ thuật của các văn bản đã học.

- Nắm chắc đặc điểm của thể thơ bốn chữ, thơ năm chữ.

- Hiểu rõ định nghĩa và chức năng của phó từ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.** **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp thành 6 nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm.  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập số 1: HS đọc lại 2 văn bản *Lời của cây; Sang thu* và điền thông tin vào bảng sau   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | **Lời của cây** | **Sang thu** | | Điểm giống nhau (nội dung, nghệ thuật) |  | | | Điểm khác nhau (nội dung, nghệ thuật) |  |  |   + Nhận xét về thể thơ, vần, nhịp của khổ thơ (SGK/30)  + Trình bày chức năng của phó từ thông qua việc xem xét lược bỏ 3 phó từ quan trọng trong đoạn trích.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 1:** Chỉ ra điểm giống và khác nhau  ***Phiếu học tập số 1***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn**  **bản**  **Phương**  **diện**  **so sánh** | **Lời của cây** | **Sang thu** | | **Điểm giống nhau (nội dung, nghệ thuật)** | - Cảm nhận về thiên nhiên, sự giao cảm giữa con người với thiên nhiên.  - Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị.  - Biện pháp nghệ thuật chủ yếu: nhân hóa | | | **Điểm khác nhau (nội dung, nghệ thuật)** | - Thể thơ bốn chữ, gieo vần chân, nhịp 2/2  - Tình cảm nâng niu sự sống.  - Thay mặt cây gởi thông điệp: Hãy lắng nghe lời của cỏ cây, loài vật để biết yêu thương, nâng đỡ sự sống ngay khi mới là mầm sống; mỗi con người, sự vật dù cho nhỏ bé đều góp phần tạo nên màu xanh cho đất trời. | - Thể thơ năm chữ, gieo vần chân, nhịp 3/2  - Cảm nhận tinh tế của tác giả về sự chuyển mình của đất trời từ cuối hạ sang thu.  - Thông điệp của bài thơ: Hãy biết lắng nghe, cảm nhận thiên nhiên bằng tất cả các giác quan để đón nhận những món quà thú vị từ thiên nhiên, tạo vật. |   **Câu 2:** Nhận xét về thể thơ, vần, nhịp:  - Thể thơ: năm chữ  - Vần chân: nghé – nhẹ / đây – đầy  - Nhịp thơ: 2/3 ; 3/2  **Câu 3:** Tìm hiểu về phó từ  - Không thể lược bỏ 3 phó từ ***mãi, vẫn, không***  - Chức năng: Bổ sung ý nghĩa cho động từ ***rền rĩ*** và ***thấy;*** cung cấp thông tin 1 cách đầy đủ và cần thiết hơn.  + ***mãi:*** kéo dài liên tục như không dứt  + ***vẫn, không:*** biểu thị sự tiếp diễn và phủ định |

**2. Củng cố tri thức đoạn văn chia sẻ cảm xúc**

**về một bài thơ và tóm tắt ý chính**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được đặc điểm, quy trình của một đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ.

- Vận dụng tri thức để viết và trình bày cảm xúc về một bài thơ đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \*\* Câu 4 + câu 6  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thảo luận chia sẻ nhóm đôi.  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập số 2: Bài học em rút ra cho mình khi làm thơ bốn chữ, năm chữ.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn. HS trình bày lý do vì sao khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày ta nên dùng từ khóa, các kí hiệu và sơ đồ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  \*\* Câu 7  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu từng cá nhân viết vào vở những suy nghĩ của mình về ý nghĩa của việc quan sát, lắng nghe, cảm nhận thế giới tự nhiên thông qua câu hỏi gơi ý SGK/30  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV gọi 2-3 HS trình bày sản phẩn cá nhân.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 4:** Bài học khi làm thơ bốn chữ, năm chữ  - Quan sát đối tượng tỉ mỉ, cẩn thận.  - Đảm bảo số chữ trong một dòng thơ.  - Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp.  - Cần có các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, điệp từ, …).  - Thể hiện cảm xúc của em một cách chân thành.  **Câu 6:** Khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày ta nên dùng từ khóa, các kí hiệu và sơ đồ. Vì:  - Từ khóa là từ ngữ quan trọng, thể hiện nội dung chính của bài nói.  - Kí hiệu và sơ đồ sẽ giúp làm nổi bật ý, giúp ta dễ nắm bắt vấn đề của người trình bày.  **Câu 7:** Ý nghĩa của việc quan sát, lắng nghe, cảm nhận thế giới tự nhiên  Đời sống con người luôn gắn liền với thế giới tự nhiên. Việc quan sát, lắng nghe, cảm nhận thế giới tự nhiên giúp chúng ta điều chỉnh tình cảm và thái độ của mình. Từ đó thấy yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống hơn. Vì vậy mọi người cần chung tay bảo vệ và làm đẹp hơn thế giới tự nhiên mà mình đang sống. |

**3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** ***Thực hiện BT 5:*** Củng cố lại kiến thức đã học và rèn kĩ năng viết đoạn văn.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS (đoạn văn)

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên giao bài tập cho HS.

Viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về 1 bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em yêu thích.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

🡪 ***Gợi ý:***

“Lời của cây” là một trong số những bài thơ mang đậm phong cách Trần Hữu Thung: Mộc mạc, thầm nhuần chất dân gian. Sử dụng thể thơ bốn chữ, lối viết giản dị, gần gũi, đặc biệt là phép tu từ nhân hóa, bài thơ ghi lại một cách sinh động quá trình hạt phát triển thành cây. Từ khi hạt "lặng thinh" chưa được gieo xuống đất, đến khi hạt nảy mầm, nhú lên những "giọt sữa" biết "thì thầm" những tiếng nói đầu tiên và khi đã thành cây non "bập bẹ" cất tiếng nói - tiếng nói đầy tự hào khẳng định giá trị loài cây... tất cả được đặt trong sự liên tưởng độc đáo, thú vị. Sự trưởng thành của cây có những nét tương đồng với sự trưởng thành của một con người. Điều đặc biệt là với nhà thơ, cây cối không vô tri vô giác mà cũng có tiếng nói. Nhà thơ như nghe thấy trong sự trưởng thành của cây những thanh âm của sự sống. Nhà thơ lắng nghe cây như lắng nghe lời thì thầm vang vọng từ thiên nhiên. Phải là người có tâm hồn phong phú, nhạy cảm và giàu sức tưởng tượng, nhà thơ mới có thể lắng nghe, [cảm nhận](https://dembuon.vn/tags/cam-nhan/) và thể hiện thành ngôn từ nghệ thuật một cách tinh tế tiếng nói của loài cây. Qua đó, thể hiện tình cảm, cảm xúc nâng niu, trân trọng mà nhà thơ dành cho mầm cây. Bài thơ như một bức thông điệp bằng thơ gửi đến mỗi bạn đọc: Hãy yêu cây xanh, trân trọng sự sống của cây, bởi cây làm nên một phần cuộc sống xinh đẹp, đáng yêu này.

**4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học.

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác, vận dụng kiến thức bài học đưa ra việc làm cho bản thân.

**b) Nội dung:**

- GV ra bài tập.

- HS làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (GV giao bài tập)

**1. Em có suy nghĩ gì về 2 bức tranh sau:**

****

**2. Em sẽ làm những gì để bảo vệ thế giới tự nhiên mình đang sống?**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ ý kiến của mình (nếu đủ thời gian); thực hiện ở nhà (nếu hết thời gian).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu trình bày sản phẩm của mình (nếu đủ thời gian)

- HS đứng tại chỗ để trình bày (nếu còn thời gian). HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

*----------------- Hết --------------------*

# BÀI 2: BÀI HỌC CUỘC SỐNG

##### *(14 tiết)*

##### (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết;

##### Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

###### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.

- Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm VB.

- Nhận biết được các công dụng của dấu chấm lửng.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

- Biết kể một truyện ngụ ngôn; biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.

- Yêu thương bạn bè, người thân, biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

- Tuỳ vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho đảm bảo được mục tiêu.

**TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Mục tiêu:  - Nhận biết được được một số khái niệm như: truyện, truyện đồng thoại, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật  - Lấy được ví dụ minh họa.  Tổ chức thực hiện: | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  Yêu cầu HS nhắc lại các khái niệm đã học (ở lớp 6) như: đề tài, cốt truyện, sự việc, nhân vật,…  *-* GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hãy chọn một truyện và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:  - *Ai là người kể chuyện trong tác phẩm này? Người kể ấy xuất hiện ở ngôi thứ mấy?*  - *Nếu muốn tóm tắt nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?*  *- Nhân vật chính của truyện là ai? Nêu một vài chi tiết giúp em hiểu đặc điểm của nhân vật đó.*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. Hướng dẫn HS tìm hiểu các mục từ giải thích các yếu tố thể loại mới xuất hiện trong bài học này: *Tình huống truyện, Không gian - thời gian* trong truyện ngụ ngôn.  - Truyện ngụ ngôn là những truyện bịa đặt có ngụ ý về những bài học; về kinh nghiệm sống, đạo lí.  Nếu như ở các thể loại văn học khác, ngụ ý là ý nghĩa của sự phản ánh thì trong truyện ngụ ngôn nó là đối tượng phản ánh. Bởi vậy, truyện ngụ ngôn mang đậm màu sắc triết lí dân gian. Khi tưởng tượng và hư cấu truyện ngụ ngôn, tác giả dân gian không tập trung trình bày một số phận với nhiều tình tiết rắc rối mà chỉ chú ý khai thác một vài tình tiết liên quan đến một bài học kinh nghiệm nào đó một cách kín đáo, tế nhị. Đó có thể là một bài học về kinh nghiệm ứng xử giữa người với người, một bài học về đạo đức, một ‘bài học về nhận thức…  - Truyện ngụ ngôn phản ánh cuộc đấu tranh xã hội:  Xét trên bề mặt, truyện ngụ ngôn chỉ là truyện của các loài vật, đồ vật. Điều đó đúng nhưng chỉ là đúng về “phần xác” còn thực ra điều quan trọng của thể loại truyện này phải là **“phần hồn”.** Ở phần hồn này, sự ngụ ý kín đáo, bóng gió của tác giả dân gian không chỉ dừng lại ở các bài học về đạo lí hay những kinh nghiệm sống mà còn có cả Sự phản kháng đối với xã hội, đả kích giai cấp thống trị với những thói hống hách, ngang ngược, quyền thế và dạy người ta những kinh nghiệm ứng phó với chúng.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật:  + Nhân vật truyện ngụ ngôn được lựa chọn một cách tự do, phóng túng, con vật nào cũng được miễn là “khớp” được cái ý tưởng bóng gió xa xôi mà người ta “gá gửi” vào đó. Những nhân vật - con vật ấy có ích hay có hại cho loài người, truyện ngụ ngôn không quan tâm. Điều người ta quan tâm là con vật đó giúp thể hiện được triết lí như thế nào.  + Việc lựa chọn nhân vật chính trong truyện ngụ ngôn xuất phát từ động cơ thiên về phương diện lí trí hơn là tình cảm, ở đây những thao tác của tư duy hoạt động mạnh hơn sự rung động của trái tim - đọc truyện ngụ ngôn ta phải suy nghĩ nhiều hơn.  + Truyện ngụ ngôn thực hiện chức năng mượn con vật làm cái vỏ để bọc kín cái ý, cái triết lí cần “gá gửi”. Vì vậy nội dung hình tượng nhân vật, phần cốt lõi không phải là miêu tả đặc điểm con vật mà là bài học suy lí, triết lí mà truyện muốn “gá gửi”.  - Xung đột trong truyện ngụ ngôn:  + Xung đột về triết lí ứng xử, về lí lẽ hành động của nhân vật, mọi hành động của nhân vật trong truyện ngụ ngôn đều không hề cảm tính mà tất cả đều có lí lẽ, có “tính quan niệm”.  + Xung đột trong truyện ngụ ngôn phản ánh xung đột xã hội (xung đột giữa người bị áp bức với kẻ áp bức, giữa đúng với sai, chân lí với nguy lí, tốt với xấu trong xã hội…).  - Kết cấu truyện ngụ ngôn:  Do tính chất ngụ ỷ, truyền miệng nên hầu hết truyện ngụ ngôn đều ngắn, ít tình tiết, ít nhân vật, trừ một số truyện bằng thơ, cốt truyện là một trục thẳng, ít rẽ ngang tắt hay đảo ngược. Truyện thường có hai lớp nghĩa: nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ngôn. Nghĩa hiển ngôn là câu chuyện được kể, đây là lớp nghĩa nổi hay còn gọi là “phần xác”. Nghĩa hàm ngôn là phần bài học kinh nghiệm, những điều răn dạy, đây là lớp nghĩa chìm hay còn gọi là “phần hồn”, nghĩa này phải suy nghĩ mới nhận ra được.  - Biện pháp nghệ thuật:  Truyện ngụ ngôn thường mượn vật để nói người, dùng đặc điểm, tính cách, hành động của các con vật hoặc cỏ cây hoa lá để bóng gió chuyện con người, kín đáo nêu lên bài học nào đó cho con người. Do vậy, biện pháp nghệ thuật mà truyện ngụ ngôn sử dụng là nghệ thuật ẩn dụ. Đó là hình thức ẩn dụ để ám chỉ tính cách, hành động của con người. Chính nhờ có hình thức ẩn dụ này mà các con vật, loài vật, các bộ phận của cơ thể người hiện lên sống động, gần gũi và hấp dẫn hơn. | **Truyện** là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.  **Truyện ngụ ngôn** là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần. Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống.  ***Đề tài trong truyện ngụ ngôn*:** thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống.  **Sự kiện** (hay sự việc) là yếu tố quan trọng góp phần làm nên câu chuyện. Trong truyện ngụ ngôn, một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính. Chẳng hạn, ở truyện *Thỏ và rùa*, sự kiện chính là cuộc chạy thi giữa hai nhân vật thỏ và rùa.  **Cốt truyện**: là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.  ***Cốt truyện của truyện ngụ ngôn:*** thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm…) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó.  **Nhân vật:** là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc họa trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,...  ***Nhân vật trong truyện ngụ ngôn*** có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thưởng được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cừu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân,... Từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật ngụ ngôn, người nghe, người đọc có thể rút ra những bài học sâu sắc.  **Người kể chuyện:** là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện:  + Ngôi thứ nhất;  + Ngôi thứ ba.  **Lời người kể chuyện** đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật vả miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.  **Lời nhân vật** là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.  ***Tình huống truyện*** là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa của câu chuyện được khơi sâu. Chẳng hạn, tình huống truyện trong *Thỏ và rùa* là cuộc chạy đua giữa hai con vật và kết quả có tính bất ngờ, làm lộ rõ đặc điểm của mỗi nhân vật và bài học từ câu chuyện.  ***Không gian trong truyện ngụ ngôn*** là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện, câu chuyện (một khu chợ, một giếng nước, một khu rừng,...)  ***Thời gian trong truyện ngụ ngôn*** là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể. |

**Hoạt động 3: Luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| Mục tiêu:  - Giúp HS khắc sâu tri thức chung cho bài học.  Tổ chức thực hiện: | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Hướng dẫn HS lập bảng so sánh nhanh giữa các yếu tố chung của truyện đã học với các yếu tố gắn với đặc điểm riêng của thể loại ngụ ngôn.  Em đã đọc các câu chuyện nào trong chủ đề *Bài học cuộc sống*, hãy chỉ ra một số đặc điểm của truyện đồng thoại trong câu chuyện đó? Em ấn tượng với chi tiết miêu tả nào về nhân vật?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | Chia sẻ của HS điền kết quả vào phiếu học tập.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | **Trong truyện nói chung** | **Trong truyện ngụ ngôn** | | *Đề tài* |  |  | | *Cốt truyện* |  |  | | *Sự kiện/ sự việc* |  |  | | *Nhân vật* |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | **Trong cổ tích/ truyền thuyết** | **Trong truyện ngụ ngôn** | | *Đề tài* |  |  | | *Cốt truyện* |  |  | | *Sự kiện/ sự việc* |  |  | | *Nhân vật* |  |  | |

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

|  |  |
| --- | --- |
| Mục tiêu:  - Giúp HS vận dụng kiến thức trong phần tri thức văn học để chuẩn bị cho các bài học trong chủ đề.  Tổ chức thực hiện: | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Kể tên các VB cần chuẩn bị cho tiết học tiếp theo. Em cần chú ý điều gì khi đọc các VB truyện ấy.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | Chú ý đến nhân vật và các chi tiết miêu tả nhân vật, đối thoại của nhân vật. |

**4. Củng cố.**

- GV hệ thống lại bài học.

**5. Hướng dẫn về nhà.**

- Học bài, hoàn thành bài tập.

- Soạn: ***Tiết 2.3. Những cái nhìn hạn hẹp, Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi***

# ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**TIẾT…: VĂN BẢN 1. NHỮNG CÁI NHÌN HẠN HẸP**

*(Trần Hữu Thung)*

###### I. MỤC TIÊU

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

– Nhận biết các yếu tố thể hiện đặc điểm của truyện ngụ ngôn như: đề tài, nhân vật, sự kiện, cốt truyện, tình huống, không gian, thời gian.

– Nhận biết được sự kết hợp giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong truyện.

– Rút ra được bài học của truyện và nêu được nhận xét về ý nghĩa, tác dụng của bài học ấy đối với người đọc, người nghe.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *những cái nhìn hạn hẹp:* *Ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi;*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *những cái nhìn hạn hẹp*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

- Năng lực theo dõi, dự đoán, suy luận.

**3. Phẩm chất:**

- Rút ra được bài học cho bản thân từ thông điệp của văn bản;

###### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về tác phẩm

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

###### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**2. Nội dung:** GV đưa ra cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề thông qua trò chơi giải ô chữ.

**3. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho HS Tìm ô chữ hàng dọc bằng cách trả lời các câu hỏi trong ô chữ hàng ngang. Mỗi ô chữ hàng ngang sẽ chứa một từ khóa.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.*

*- Từ đáp án của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Ngụ ngôn là một thể loại của văn học giáo huấn, mang nội dung đạo đức, giáo dục có hình thức thơ hoặc văn xuôi tương đối ngắn, sử dụng phúng dụ như một nguyên tắc tổ chức tác phẩm. Như vậy văn bản 1 “Những cái nhìn hạn hẹp thông qua hai truyện: Ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi”* gửi gắm một thông điệp đến với chúng ta. Để hiểu về thông điệp của văn bản này, cô và cả lớp sẽ cùng đi vào tìm hiểu nhé.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**1. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | | |
| **N1: Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Xác định thể loại văn bản.  Đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, tóm tắt ngắn gọn qua phiếu học tập.  **- GV yêu cầu hs đọc văn bản**  \* khi đọc hết đoạn 1 cho hs dừng lại trả lời câu hỏi suy luận trong SGK | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác phẩm**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Thể loại | Đề tài | Tình huống | Cốt truyện | Nhân vật | Tóm tắt | | Ếch ngồi đáy giếng |  |  |  |  |  |  | | Thầy bói xem voi |  |  |  |  |  |  | | | |
| **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thành những yêu cầu trong phiếu học tập chuẩn bị trình bày trước lớp.  - HS đọc bài trước lớp.   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Thể loại | Đề tài | Tình huống | Bố cục | Ấn tượng nhân vật | Tóm tắt | | Ếch ngồi đáy giếng | Truyện ngụ ngôn | những bài học về cách nhìn sự vật. | Bị nước đẩy lên mặt đất con ếch lâu năm “ngồi đáy giếng” vẫn quen thói nhâng nháo tự phụ, xem bầu trời là cái vung và bản thân là chúa tể nên đã bị một con trâu dẫm chết (bộc lộ tác hại của sự ngộ nhận về bản thân). |  |  | Một con ếch sống dưới đáy giếng nhìn bầu trời trên cao, tưởng trời chỉ là cái vung. Đã thế, mỗi khi cất tiếng kêu, thấy các con vật bé nhỏ xung quanh đều khiếp sợ, ếch ta tưởng mình là chúa tể thế giới. Lên mặt đất, ếch ta quen thói, vẫn nhâng nháo, nghênh ngang và bị một con trâu dẫm chết. | | Thầy bói xem voi | Truyện ngụ ngôn | những bài học về cách nhìn sự vật. | Năm ông thầy bói mù rủ nhau “xem voi”; mỗi ông chỉ sờ được một phần cơ thể con voi, nhưng ai cũng tin chỉ có mình miêu tả đúng về con voi dẫn đến xô xát, đánh nhau (bộc lộ tác hại của lối nhận thức phiến diện về sự vật). |  |  | Năm ôm thầy bói mù góp tiền cho người quản tượng xem voi. Mỗi ông chỉ sờ được một bộ phận của con voi rồi đưa ra kết luận của mình. Ông sờ vòi ví con voi với “con đỉa”; ông sờ ngà ví con voi với “cái đòn càn”; ông sờ tai ví con voi với “cái quạt thóc”; ông sờ chân ví con voi với “cái cột đình”; ông sờ đuôi ví con voi “cái chổi sể”. Không ai chịu ai dẫn đến xô xát, đánh nhau toác đầu chảy máu. | | | | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | | - HS trình bày sản phẩm thảo luận | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập.  - GV giải thích nghĩa của một số từ khó trong VB.  Quản voi (quản tượng): người trông nom và điều khiển voi.  Sun Sun: co lại, chun lại thành các nếp.  Đòn càn: đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rạ... ma gánh.  Quạt thóc: loại quạt lớn bằng tre phất vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.  Tua tủa: từ gợi tả dáng chỉa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn, gây cảm giác ghê sợ.  Chổi xể: chổi quét sân, thưởng làm bằng nhánh cây thanh hao.  Giới thiệu thêm cho hs trên thế giới có 2 tác giả rất nổi tiếng cho những câu truyện ngụ ngôn đó là: Aesop và La Fontaine để hs tham khảo đọc. | | **3. Giải nghĩa từ khó**  Quản voi (quản tượng): người trông nom và điều khiển voi.  Sun Sun: co lại, chun lại thành các nếp.  Đòn càn: đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rạ... ma gánh.  Quạt thóc: loại quạt lớn bằng tre phất vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.  Tua tủa: từ gợi tả dáng chỉa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn, gây cảm giác ghê sợ.  Chổi xể: chổi quét sân, thưởng làm bằng nhánh cây thanh hao. | |
| **NV2:** *tìm hiểu văn bản “Ếch ngồi đáy giếng”*  **Hoạt động 1:**  **1. Ếch khi ở trong giếng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập: | | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Ếch khi ở trong giếng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Không gian sống** | **Hành động, thái độ** | **Suy nghĩ** | | … | … | …. | | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Không gian sống** | **Hành động, thái độ** | **Suy nghĩ** | | + trong giếng  + chỉ có vài con vật bé nhỏ: nhái, cua, ếch | + kêu ồm ộp -> mọi vật hoảng sợ  + oai như 1 vị chúa tể | Tưởng trời bé bằng cái vung | | nhỏ bé, chật hẹp, tối tăm, cách biệt với cuộc sống bên ngoài | Huênh hoang, kiêu ngạo | Nông cạn, sai lệch | | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | Hs trình bày kết quả trên phiếu học tập | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập.  Môi trường hạn hẹp dễ khiến người ta kiêu ngạo, không biết thực chất về mình.  🡪tầm nhìn, sự hiểu biết nông cạn.  ***Bài học:*** sống hòa nhã, thân thiện, yêu thương mọi người, không nên tự đề cao bản thân mình | | Môi trường hạn hẹp dễ khiến người ta kiêu ngạo, không biết thực chất về mình.  🡪 tầm nhìn, sự hiểu biết nông cạn.  🡪 bài học: sống hòa nhã, thân thiện, yêu thương mọi người, không nên tự đề cao bản thân mình | |
| **Hoạt động 2. Ếch khi ra ngoài giếng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hs thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập: | | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **2. Ếch khi ra ngoài giếng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ếch khi ra ngoài giếng | | | | Nguyên nhân | Không gian sống | Hành động thái độ | | ………. | ……….. | ………. | | Nhận định:…  Bài học bản thân: … | | | | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các cặp đôi thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | |  | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các cặp đôi trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ếch khi ra ngoài giếng | | | | Nguyên nhân | Không gian sống | Hành động thái độ | | Mưa to, nước dềnh lên, ếch ra ngoài | Môi trường sống thay đổi, rộng lớn, vô tận | - Nghênh ngang đi lại khắp nơi, kêu ồm ộp, nhâng nháo.  - Chẳng thèm để ý đến xung quanh | | Nhận định của em: Kiêu căng, tự đắc, khinh thường xung quanh.  Bài học bản thân:  - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Phải nhận ra hạn chế của mình  - Phải khiêm tốn không được chủ quan, kiêu ngạo  - Luôn học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng mọi hình thức. | | | | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập.  Ý nghĩa:  - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp.  - Không chủ quan kiêu ngạo  - Phải mở rộng tầm hiểu biết  Bài học:  - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Phải nhận ra hạn chế của mình  - Phải khiêm tốn không được chủ quan, kiêu ngạo  - Luôn học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng mọi hình thức. | |  | |
| **NV2: Văn bản thầy bói xem voi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập: | | **II. Tìm hiểu chi tiết**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cuộc xem voi của năm ông thầy bói | | | | |  | | Hoàn cảnh | Cách xem | Cách phán về con voi | Thái độ khi phán | Kết quả | Bài học rút ra | | … | … | … | … | … | … | | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | |  | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cuộc xem voi của năm ông thầy bói | | | | |  | | Hoàn cảnh | Cách xem | Cách phán về con voi | Thái độ khi phán | Kết quả | Bài học rút ra | | Một buổi ế hang, các thầy phàn nàn không biết hình thù con voi thế nào?  - Chung tiền biếu người quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem. | Dùng tay để sờ (vì các thầy đều bị mù  - mỗi thầy chỉ sờ được một bộ phận của con voi (vòi, ngà, tai, chân đuôi) và tưởng đó là toàn bộ con voi). | + Thầy thì sờ vòi: *sun sun* như *con đỉa*  + Thầy thì sờ ngà:  *chần chẫn* như *cái đòn càn*  + Thầy thì sờ tai:  *bè bè* như *cái quạt thóc.*  + Thầy thì sờ chân  *sừng sững* như *cái cột đình*  + Thầy thì sờ đuôi  *tun tủn* như *cái chổi sể cùn* | + Tưởng … thế nào... hoá ra...  + Không phải,...  + Đâu có!...  + Ai bảo!...  + Các thầy nói không đúng cả! Chính nó...  Khẳng định chỉ có mình đúng, phủ nhận ý kiến của người khác.  => Thái độ chủ quan sai lầm. | “Cả năm thầy không ai chịu ai thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.” | => Lắng nghe ý kiến của người khác và xem lại ý kiến của mình, không nên chủ quan, tự tin quá mức trở thành bảo thủ | | | | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. | | | |
| **NV3: Nhận thức về những cái nhìn hạn hẹp qua 2 truyện: Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: hs điền từ còn thiếu vào dấu …** | | | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | | |  |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời hs trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. | | |  |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** hs hoàn thành phiếu học tập sau | | | **TỔNG KẾT**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Nghệ thuật | Nội dung | Ý nghĩa | Bài học | | ếch ngồi đáy giếng | … | …. | … | … | | Thầy bói xem voi | … | … | … | … | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | | |  |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời hs trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Nghệ thuật | Nội dung | Ý nghĩa | Bài học | | ếch ngồi đáy giếng | - Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống  - Cách nói ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, đặc sắc  - Cách kể bất ngờ, thú vị | - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp nhưng huyênh hoang.  - Khuyên nhủ người ta phải biết mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo.  Phải biết quan sát thế giới xung quanh, mở rộng tầm hiểu biết, chớ chủ quan, kiêu ngạo | - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp.  - Không chủ quan kiêu ngạo  - Phải mở rộng tầm hiểu biết | - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Phải nhận ra hạn chế của mình  - Phải khiêm tốn không được chủ quan, kiêu ngạo  - Luôn học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng mọi hình thức. | | Thầy bói xem voi | - Cách giáo huấn bóng gió, tự nhiên mà vẫn sâu sắc.  - Phóng đại, lặp lại các sự việc.  - Xây dựng hội thoại sinh động hài hước. | Từ câu chuyện chế giễu cách xem voi và phán về voi của năm ông thầy bói, truyện "Thầy bói xem voi" khuyên người ta: muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chung một cách toàn diện. | - Khi chưa chắc về ý kiến, suy nghĩ, nhận định của bản thân thì đừng bao giờ chắc chắn, một mực kết quả của mình là đúng  - Phải xem xét vấn đề ở mọi khía cạnh một cách toàn diện, có chiều sâu.  - Sự nông cạn, hời hợt, thiếu chín chắn, thực tế đều dẫn đến kết luận sai lầm, lệch lạc | - Muốn kết luận đúng một sự vật, hiện tượng, phải xem xét nó một cách toàn diện.  - Phải có cách xem xét sự vật phù hợp với sự vật đó và phù hợp với mục đích xem xét.  - Biết lắng nghe ý kiến của người khác, không giải quyết vấn đề bằng vũ lực. | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. | | |  |
| **Hoạt động 4: luyện tập**  Mục tiêu:  - Giúp HS khắc sâu tri thức chung cho bài học.  Tổ chức thực hiện: | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai truyện “Ếch ngồi đáy giếng” và “Thầy bói xem voi”? | | | **Hs điền câu trả lời vào phiếu học tập** |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | | |  |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời hs trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. | | |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

|  |  |
| --- | --- |
| Mục tiêu:  - Giúp HS vận dụng kiến thức trong phần tri thức văn học để chuẩn bị cho các bài học trong chủ đề.  Tổ chức thực hiện: | |
| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm. |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Kể tên các thành ngữ mà em biết qua các câu chuyện ngụ ngôn đã học?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | - Ăn ốc nói mò  - Khôn nhà dại chợ  - Thùng rỗng kêu to  - Coi trời bằng vung  - chín người mười ý  - Cãi chày cãi Cối  - Trong nhà nhất mẹ nhì con, ra đường lắm kẻ còn giòn hơn ta. |

**5. Củng cố, hướng dẫn về nhà.**

- GV hệ thống lại bài học.

- Học bài, hoàn thành bài tập.

- Soạn: ***văn bản 2. Những tình huống hiểm nghèo***

**Đọc văn bản 3, 4: NHỮNG TÌNH HUỐNG HIỂM NGHÈO**

**hai người bạn đồng hành và con gấu,**

**chó sói và chiêm con**

**Hoạt động 3.1: Chuẩn bị đọc.**

**a.Mục tiêu:**

- Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

- Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

- Tạo tâm thế trước khi đọc VB.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời miệng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  (1) *Gv trình chiếu hình ảnh và hỏi học sinh: Theo em một người bạn tốt cần có những đức tính gì? Trong trường hợp nào thì một người được xem là kẻ mạnh?* | - Học sinh chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về câu hỏi |
| Lý thuyết Tiếng Việt lớp 1 Tập đọc: Người bạn tốt (Chi tiết nhất) | |
| (2) Dựa vào nhan đề “Những tình huống hiểm nghèo” và hình ảnh minh họa của VB (SGK/tr.36), em đoán xem VB viết về điều gì. Vì sao em có thể dự đoán như vậy?  - Đã bao giờ trong cuộc sống các em đã vô tình gặp phải một tình huống trớ trêu, hiểm nghèo chưa? Hãy chia sẻ với bạn.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại một số cảm xúc, trải nghiệm của Hs ở câu hỏi “Đã bao giờ trong cuộc sống các em đã vô tình gặp phải một tình huống trớ trêu, hiểm nghèo chưa?” và dẫn dắt vào bài học |  |

**Hoạt động 3.2: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như suy luận, dự đoán trong quá trình đọc trực tiếp VB.

- Bước đầu vận dụng kĩ năng liên hệ trong quá trình đọc VB.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần Trải nghiệm cùng văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV 1: Hướng dẫn hs đọc, tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi và suy luận (các hộp chỉ dẫn)*  *+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  **-NV2: Tìm hiểu về Tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Đ*ại diện các nhóm (3 nhóm) lên báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức bằng Infographic | **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, suy luận  **2. Chú thích**  - Đương  - Chó sói  - Chiên con  **3. Tác giả, tác phẩm**  ***a. Tác giả***  - Ê-dốp (Aesop)  - La Phông-ten (La Fontaine)  ***b. Tác phẩm***  ***\*Hai người bạn đồng hành và con gấu***  - In trong truyện ngụ ngôn Ê-dốp (2013)  - Thể loại: truyện ngụ ngôn.  - Hình thức: Văn xuôi  ***\* Chó sói và chiên con***  - In trong ngụ ngôn chọn lọc La Phông-ten (1985)  - Thể loại: truyện ngụ ngôn  - Hình thức: Văn vần |

**Hoạt động 3.3: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm..

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.

- Giúp HS hình thành những phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương bạn bè, người thân; biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cốt truyện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, sự kiện là gì?*  *+ Sắp xếp các sự kiện trong truyện theo trình tự hợp lý và xác định mối quan hệ giữa các sự kiện đó.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Tìm hiểu đặc điểm thể loại**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  GV phát PHT số 1   |  | | --- | |  |     PHT số 2:     |  | | --- | |  |   PHT số 3:   |  | | --- | |  |   PHT số 4:   |  | | --- | | *1. Em có nhận xét gì về nhân vật chó sói và chiên con?*  *2. Qua sự đối lập giữa hai nhân vật đó, em có suy nghĩ như thế nào về xã hội hiện nay?*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………….* |     **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS đó trao đổi, thống nhất  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 1 nhóm cáo cáo sản phẩm, nhóm còn còn lại nhận xét, bổ sung  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Tìm hiểu nhân vật chó sói và chiên con**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv phát PHT số 4, Hs thảo luận theo nhóm 4-6 học sinh*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS đó trao đổi, thống nhất  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 1 nhóm cáo cáo sản phẩm, nhóm còn còn lại nhận xét, bổ sung  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đề tài, chủ đề**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Em hãy nhắc lại khái niệm đề tài và chủ đề?*  *+ Theo em, truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu viết về đề tài nào?*  *+ Theo em, truyện Chó sói và chiên con viết về đề tài nào?*  *+ Qua văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS đó trao đổi, thống nhất  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 1 nhóm cáo cáo sản phẩm, nhóm còn còn lại nhận xét, bổ sung  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***1. Tóm tắt văn bản***  ***\*Hai người bạn đồng hành và con gấu***  - (a) Gấu đến gần người đi sau rồi bỏ đi vì nghĩ anh ta đã chết.  - (b) Người vừa thoát chết dạy cho anh bạn kia một bài học: “không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”.  - (c) Hai người bạn đang đi trong rừng thì gặp một chú gấu nhào ra vồ.  - (d) Người đi trước túm được cành cây và ẩn mình trong đám lá, người kia không biết trông cậy vào đâu nên nằm bẹp xuống đất  🡪 (c) – (d) – (a) – (b)  ***\*Chó sói và chiên con***  - (a) “Chẳng cầu đôi co”, sói tóm cổ chiên lôi vào rừng ăn thịt.  - (b) Chiên con đang uống nước suối thì bất ngờ chó sói xuất hiện, kiếm cớ hạch sách để ăn thịt chiên.  - (c) Sói kết tội chiên nói xấu năm ngoái; câu trả lời của chiên cho thấy lời kết tội của sói là vu khống, bịa đặt.  - (d) Sói kết tội anh trai chiên đã nói xấu sói; câu trả lời của chiên cho thấy lời kết tội của sói là bịa đặt. Và sau đó sói càng kết tội chiên, mức độ bịa đặt càng cao.  - (e) Sói kết tội chiên làm đục nước; câu trả lời của chiên cho thấy lời kết tội của sói là vô lí.  🡪 (b) – (e) – (c) – (d) – (a)  ***2. Tìm hiểu đặc điểm thể loại***  ***a. Thời gian, không gian***  **\* Không gian**  - Hai người bạn đồng hành và con gấu:  Con đường, khu rừng, …  - Chó sói và chiên con: Con suối, nguồn nước sinh hoạt chung, …  🡪 không gian tiêu biểu, quen thuộc của truyện của truyện ngụ ngôn => hướng đến một bài học chung cho mọi người.  **\* Thời gian**  - Không được nhắc đến cụ thể => gia tăng tính phổ quát cho bài học.  ***b. Tình huống truyện***  **\* Hai người bạn đồng hành và con gấu**  - Hai người bạn đi trong rừng thì một chủ gấu nhảy ra vồ. Người bạn đi trước đã bỏ mặc người còn lại để chạy thoát thân.  🡪 Thể hiện bản chất vì mạng sống mà bỏ mặc bạn bè.  🡪 Làm cho bài học từ câu chuyện trở nên sáng rõ, thấm thía.  ***\* Chó sói và chiên con***  - Chiên con đang uống nước bên bờ suối thì gặp một con sói đói đang lảng vảng gần đó. Con sói đã vặn vẹo, hạch sách chiên con để có cớ ăn thịt.  🡪 Thể hiện bản chất tàn ác, hành xử bất công của nhân vật chó sói.  🡪 Làm cho bài học từ câu chuyện trở nên sáng rõ, thấm thía.  ***c. Sự kiện***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Diễn biến** | **Lời chó sói** | **Lời chiên con** | **Nhận xét** | | 1 | Sao dám làm đục nguồn nước uống của mình? | Chiên đang ở phía cuối dòng không thể làm đục nước phía cuối dầu dòng. | Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là vô lí, chiên con vô tội. | | 2 | Sao dám nói xấu sói năm ngoái? | Năm ngoái chiên chưa ra đời. | Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là bịa đặt. | | 3 | Anh của chiên đã nói xấu sói. | Chiên không có anh. | Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là vu khống. | | 4 | Kẻ nào thuộc giống nhà chiên, giống chó, going người, … đã xấu sói. | (lập tức bị sói lôi vào rừng ăn thịt, “chẳng cầu đôi co”.) | Lời kết tội vu vơ cuối cùng đã phơi bày dã tâm, bản chất của sói. |   ***d. Nhân vật***  ***\* Chó sói:***  - Chó sói là hiện thân cho “kẻ mạnh”, kẻ bạo tàn; để thoã mãn nhu cầu (cơn đói) của mình, hắn sẵn sàng bịa đặt, vu khống, bắt nạt, giết hại kẻ yếu.  🡪 Trong trường hợp này, chân lí thuộc về kẻ mạnh => “kẻ mạnh cái lẽ vốn già” thực ra để nói sẽ không có lẽ phải, đạo lí nào cả.  \* ***Chiên con:***  - Chiên con là hiện thân cho sự vô tội, sự thật, lẽ phải nhưng là kẻ yếu, bị kẻ mạnh ức hiếp, vùi dập, hãm hại.  🡺 Sự đối lập giữa hai nhân vật khiến người nghe, người đọc bất bình, căm ghét cái xã hội mà ở đó kẻ mạnh hiện thân cho cái ác hoành hành.  **3. Đề tài và bài học**  - Hai người bạn đồng hành và con gấu: Tình bạn, tình người  🡪 Trong cuộc sống, chúng ta “Không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”.  - Chó sói và chiên con: Kẻ mạnh và chân lí  🡪 Hãy coi chừng và cảnh giác, “kẻ mạnh” thường chà đạp lên chân lí, đạo lí một cách tàn bạo, bất công |

**Hoạt động 2.4: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hãy tóm tắt nội dung và ý nghĩa của văn bản?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản? Các sự kiện trong văn bản giúp em hiểu đặc điểm nào của truyện ngụ ngôn?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Truyện ngụ ngôn luôn mang đến cho chúng ta những bài học bổ ích và ý nghĩa.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.  ***2. Nghệ thuật***  - Kết hợp kể chuyện và biểu cảm |

**Hoạt động 2.5: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b.Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*  **Câu 1:** Văn bản “Hai người bạn đồng hành và con gấu” và “Chó sói và chiêm con” thuộc thể loại truyện nào?   1. Cổ tích. 2. Truyền thuyết. 3. Cười. 4. **Ngụ ngôn.**   **Câu 2: Sự đối lập giữa hai nhân vật chó sói và chiên con cho chúng ta suy nghĩ gì?**  A. Khiến người nghe cảm thấyhạnh phúc, vui vẻ.  B. Khiến người nghe càng thêm yêu quý nhân vật chó sói.  **C. Khiến người nghe bất bình, căm ghét cái xã hội mà ở đó kẻ mạnh hiện thân cho cái ác hoành hành**  D. Khiến người nghe căm ghét nhân vật chiên con  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Câu 1: D  - Câu 2: C |

**Hoạt động 2.6: VẬN DỤNG (Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *Trong hai văn bản Hai người bạn đồng hành và con gấu và Chó sói và chiên con, em thích văn bản nào hơn? Vì sao? Hãy viết một đọan văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận về văn bản mà em thấy thú vị.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | *Trong hai văn bản, em thích văn bản “Chó sói và chiên con” hơn vì truyện được viết dưới dạng một bài thơ khiến em cảm thấy dễ cảm nhận hơn. Truyện kể về cuộc đối thoại giữa chó sói và chiên con bên một dòng suối. Qua đó ta thấy rõ tính cách từng nhân vật, sói hiện lên là một kẻ gian manh, độc ác, vô tích sự, thích bắt nạt kẻ yếu. Còn chiên con là một nhân vật vô cùng đáng thương nhưng lại có sự hồn nhiên, đáng yêu và những lí lẽ của riêng mình để đối đáp lại với sói. Mỗi nhân vật với những nét tính cách khác nhau đã góp một phần không nhỏ vào việc thể hiện đề tài của truyện. Truyện ngụ ngôn luôn mang đến cho chúng ta những bài học bổ ích và ý nghĩa nên em rất yêu thích thể loại này!* (Sưu tầm) |